

Ngày <b>31/03/2024</b>	<b>123,400 VNĐ</b>		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	<b>10.1%</b>	<b>31.1%</b>	<b>36.3%</b>

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	48,594 - 128,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	46,865
Số lượng CPLH (CP)	379,778,413
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,588,279
Sở hữu nước ngoài	18.9%
Beta	1.54
EPS	7,845
P/E	15.7

**DT thuần**  
Q1/24

**2,385**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.00| -0.1%  
YoY: ▼98.0| -4.0%

**LN trước thuế**  
Q1/24

**769**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.0| -3.7%  
YoY: ▼116| -13.1%

**LN sau thuế**  
Q1/24

**704**  
tỷ VNĐ

QoQ: ▼42.0| -5.6%  
YoY: ▼119| -14.5%

**ROA**  
2023

**21.4%**

+/- YoY: ▼ 29.3%

**DT thuần**  
2023

**9,748**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼4,696| -32.5%

**LN trước thuế**  
2023

**3,485**  
tỷ VNĐ

YoY: ▼2,891| -45.3%

**LN sau thuế**  
2023

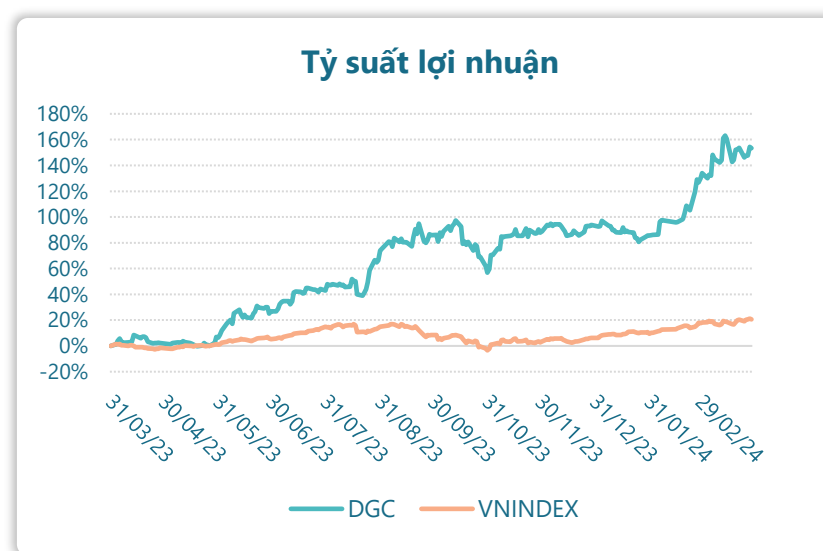
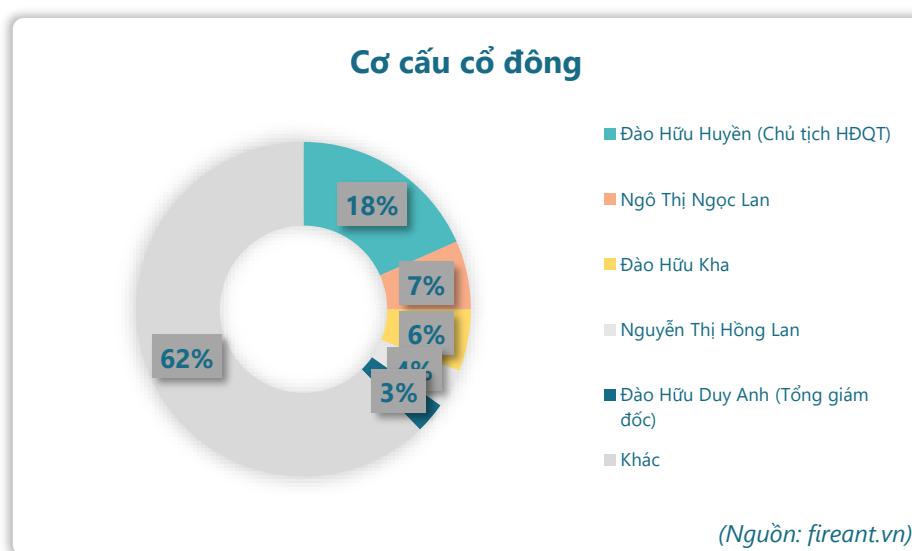
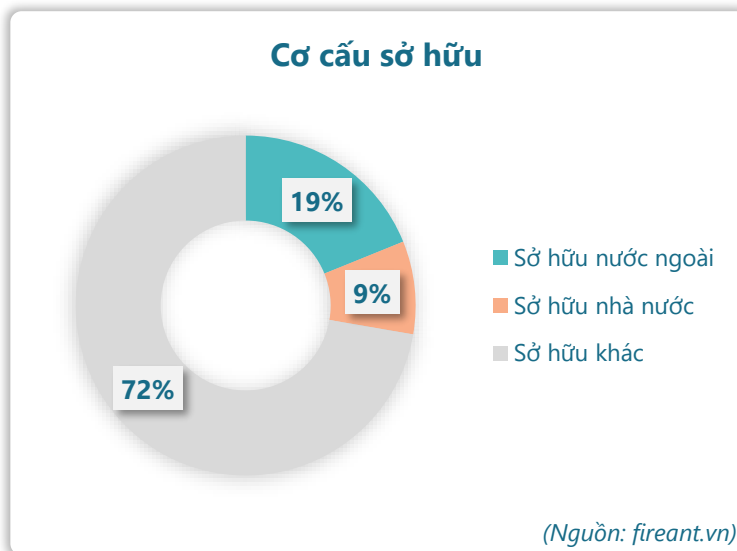
**3,242**  
tỷ VNĐ

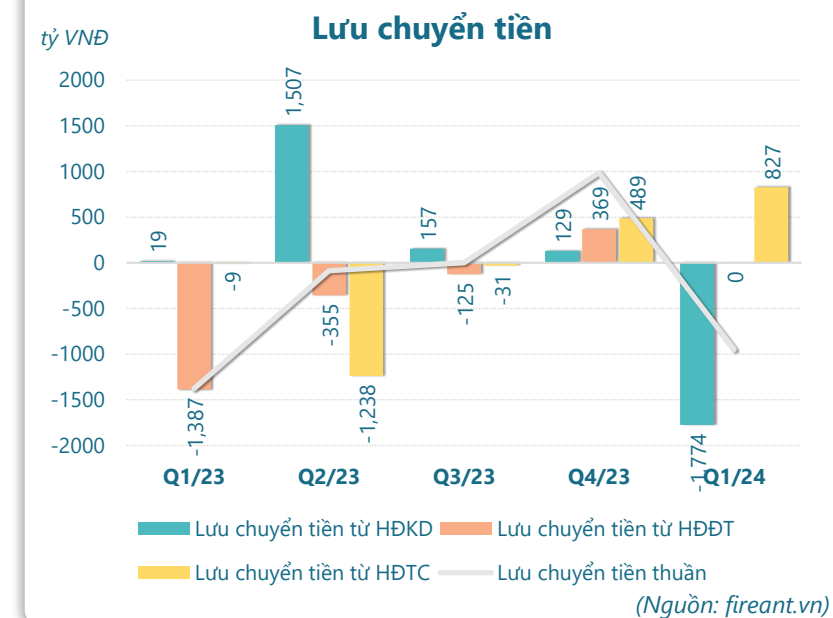
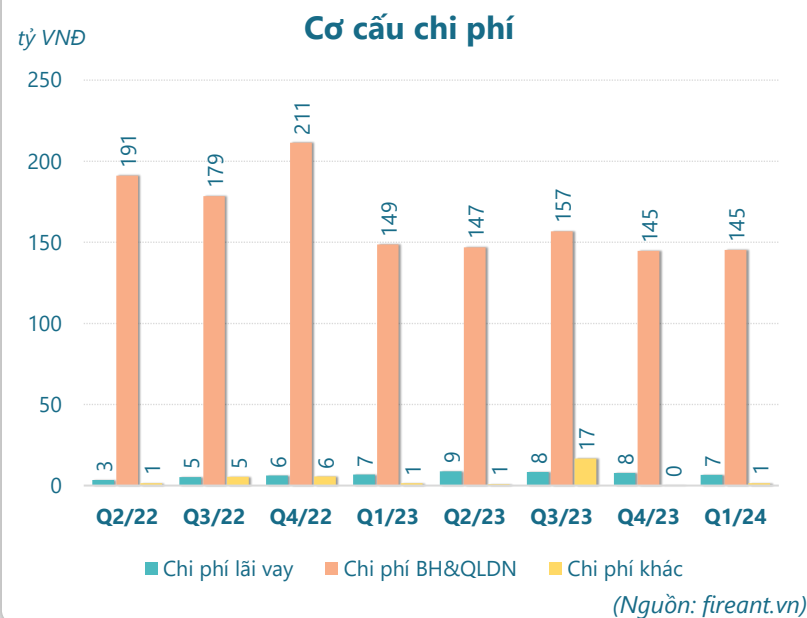
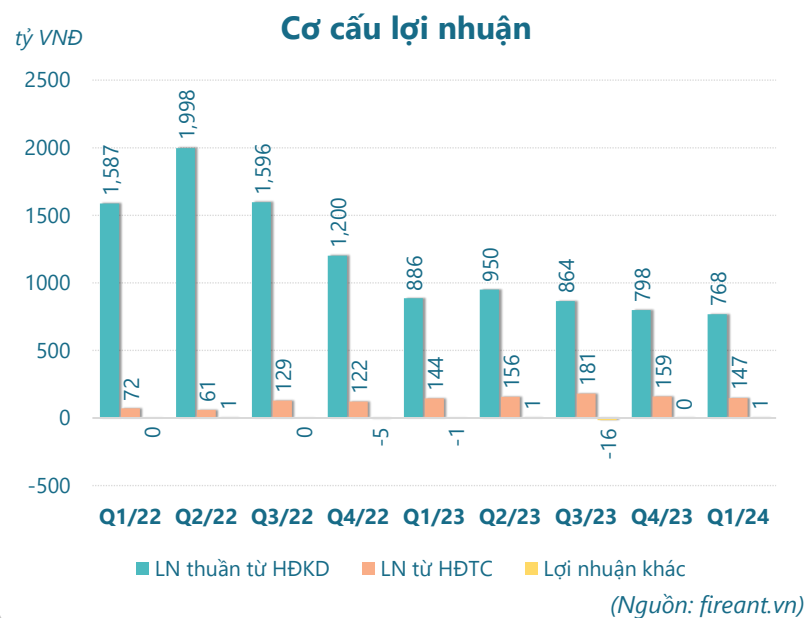
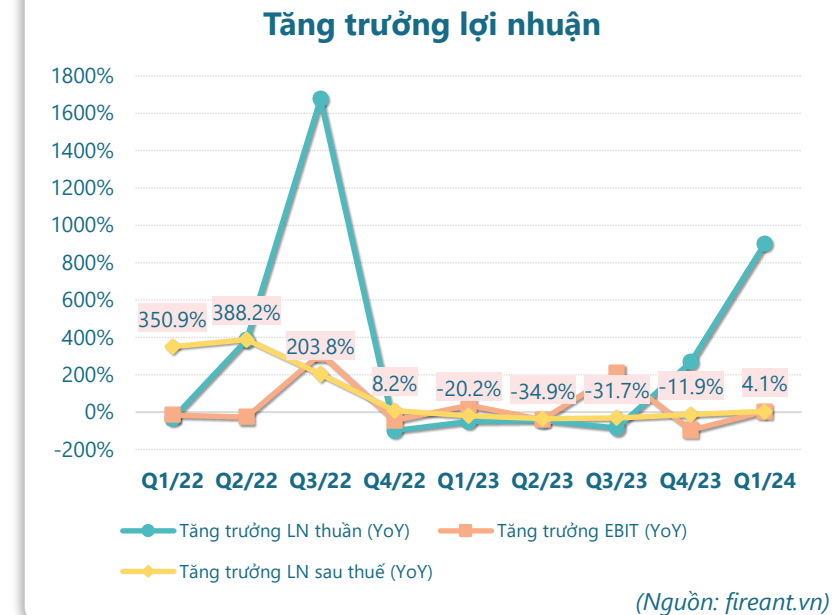
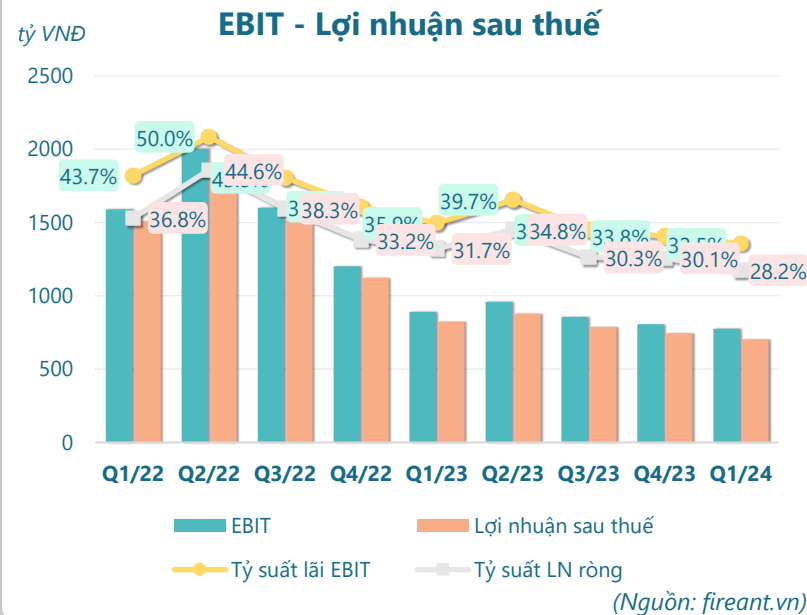
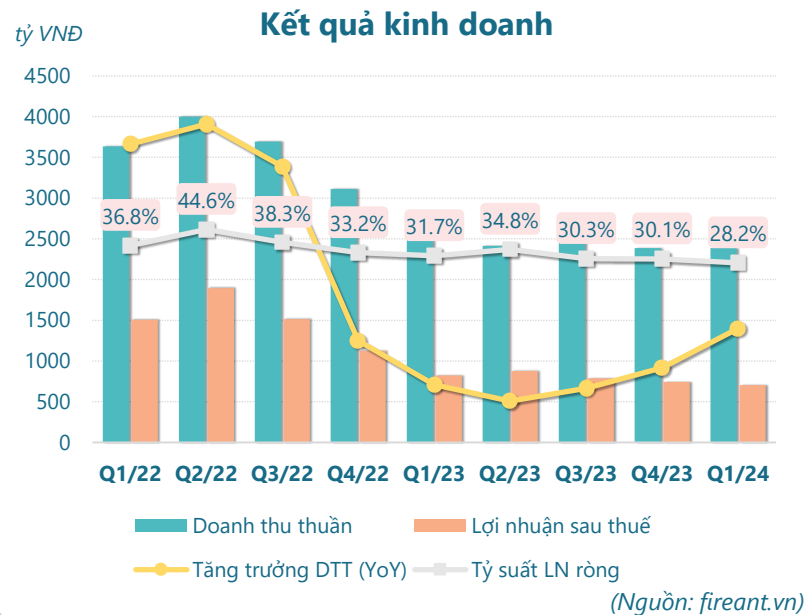
YoY: ▼2,795| -46.3%

**ROE**  
2023

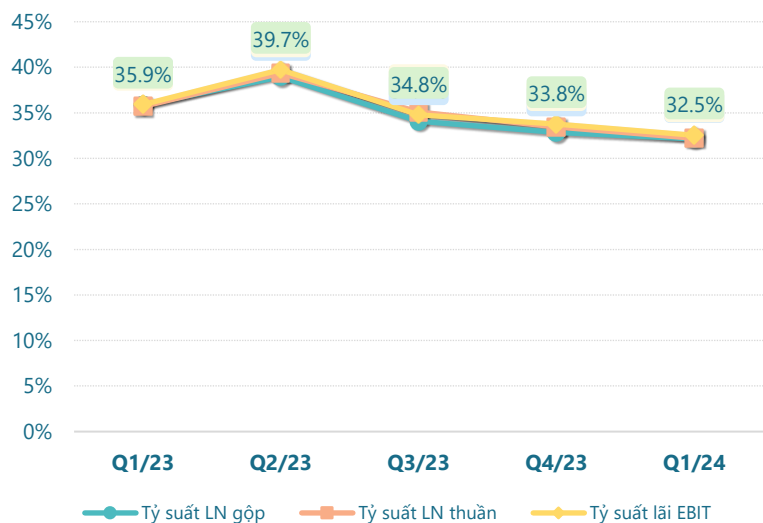
**27.1%**

+/- YoY: ▼ 37.7%



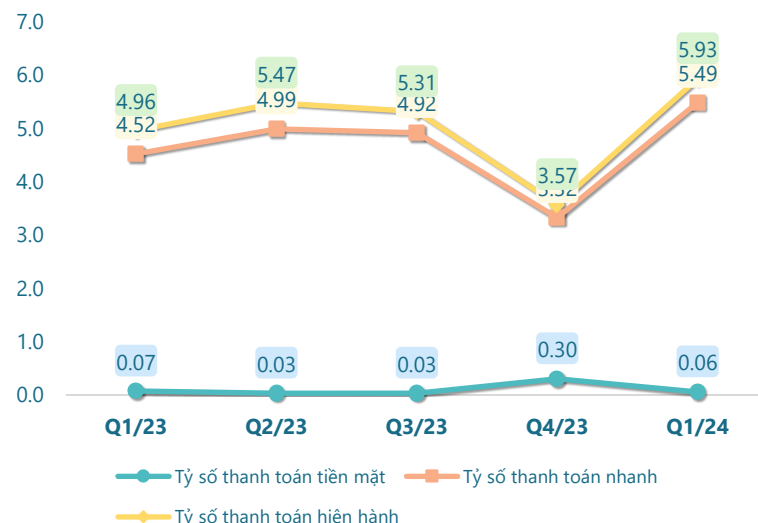


### Tỷ suất lợi nhuận



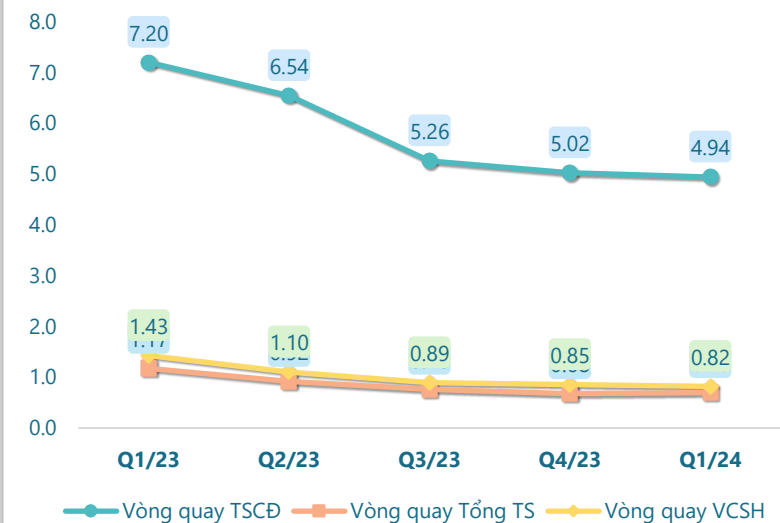
(Nguồn: fireant.vn)

### Chỉ số thanh khoản



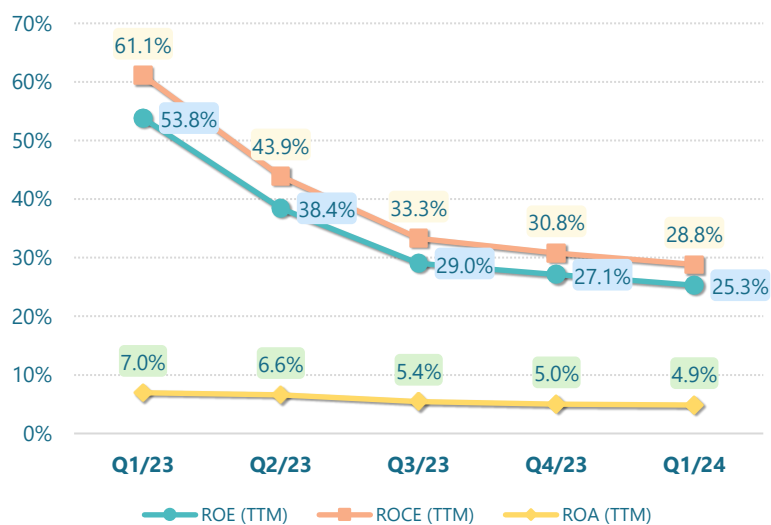
(Nguồn: fireant.vn)

### Vòng quay tài sản



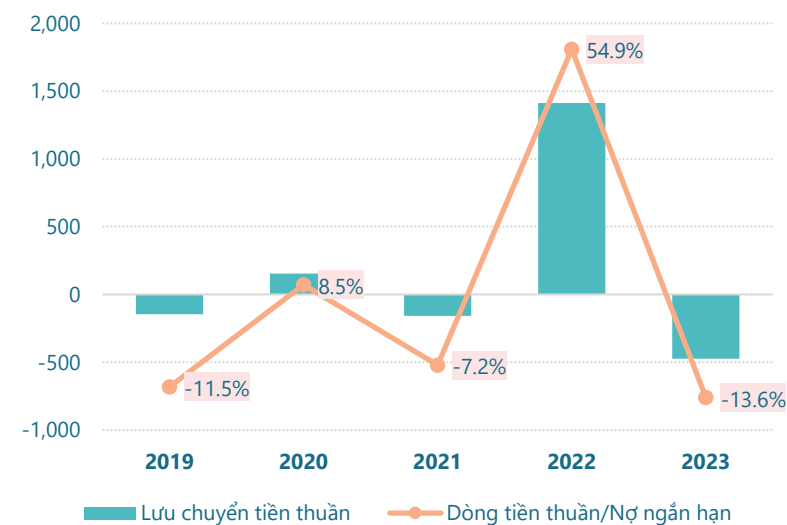
(Nguồn: fireant.vn)

### Tỷ suất sinh lợi



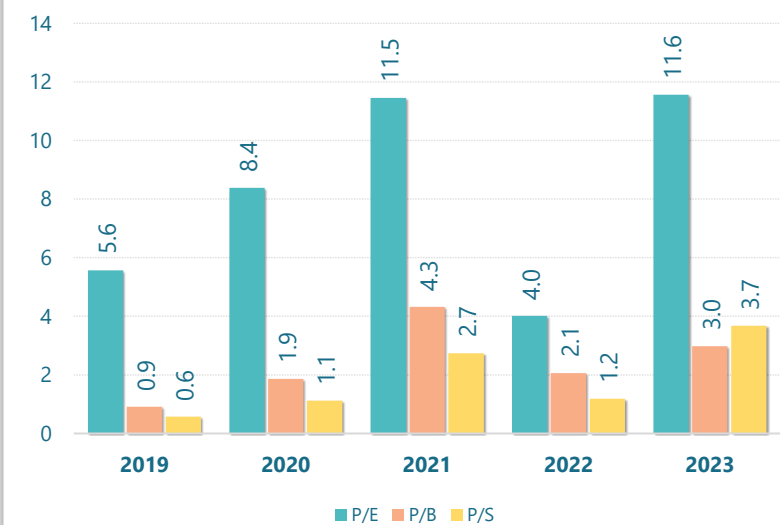
(Nguồn: fireant.vn)

### Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

### Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)